VĂN BẢN HỢP NHẤT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82 /2026/VBHN-TT-BXD	*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị

Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 20/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009;

2. Thông tư số 05/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Bộ Xây dựng hướng dẫn công tác quản lý cây xanh đô thị như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 20/2009/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 4/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng,

Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị như sau:"

Thông tư số 05/2021/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. MỤC ĐÍCH

Thông tư này hướng dẫn công tác quản lý cây xanh đô thị nhằm:

- Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đồng thời khuyến khích toàn xã hội tham gia quản lý, bảo vệ, phát triển cây xanh đô thị trên toàn quốc phù hợp với Định hướng phát triển đô thị Việt Nam và qui hoạch xây dựng đô thị.

- Đáp ứng mục tiêu tăng tỷ lệ diện tích cây xanh, góp phần cải thiện và bảo vệ môi trường đô thị của vùng nhiệt đới, phù hợp và góp phần tạo nên bản sắc riêng của mỗi đô thị.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng đối với mọi tổ chức và cá nhân có liên quan tới các hoạt động về quản lý, tư vấn, đầu tư phát triển, sử dụng và khai thác cây xanh tại các đô thị trên toàn quốc.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Cây xanh đô thị bao gồm:

a) Cây xanh sử dụng công cộng là tất cả các loại cây xanh được trồng trên đường phố và ở khu vực sở hữu công cộng (công viên, vườn thú, vườn hoa, vườn dạo, thảm cỏ tại dải phân làn, các đài tưởng niệm, quảng trường).

b) Cây xanh sử dụng hạn chế là tất cả các loại cây xanh trong các khu ở, các công sở, trường học, đình chùa, bệnh viện, nghĩa trang, công nghiệp, kho tàng, biệt thự, nhà vườn của các tổ chức, cá nhân.

c) Cây xanh chuyên dụng là các loại cây trong vườn ươm, cách ly, phòng hộ hoặc phục vụ nghiên cứu.

2. Cây xanh trên đường phố bao gồm: cây bóng mát được trồng hoặc có thể là cây mọc tự nhiên, cây trang trí, dây leo trồng trên hè phố, giải phân cách, đảo giao thông.

3. Cây cổ thụ là cây thân gỗ lâu năm được trồng hoặc tự nhiên, có độ tuổi trên 50 năm.

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành."

4. Cây được bảo tồn là cây thuộc danh mục loài cây quý hiếm cần bảo tồn để duy trì tính đa dạng di truyền của chúng (nguồn gen) hoặc cây được công nhận có giá trị lịch sử văn hoá.

5. Cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng là những cây có độc tố, có khả năng gây nguy hiểm tới người, phương tiện và công trình.

6. Cây xanh thuộc danh mục cây trồng hạn chế là những cây ăn quả, cây tạo ra mùi gây ảnh hưởng tới sức khỏe và môi trường hạn chế trồng tại những nơi công cộng, chỉ được phép trồng theo quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch chuyên ngành cây xanh hoặc dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7.[2] Cây nguy hiểm là cây hoặc một phần của cây có khả năng gẫy đổ gây tai nạn cho người, làm hư hỏng các phương tiện và công trình.

8. Vườn ươm cây là vườn gieo, ươm tập trung các loài cây giống theo một quy trình kỹ thuật để nhân giống cây và đảm bảo các tiêu chuẩn cây trồng trước khi xuất vườn.

9. Đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn là đường kính được tính bằng 1/3 chu vi thân cây tại chiều cao 1,3m.

10. Cắt tỉa quá mức quy định: là hành động cắt tỉa lớn hơn 25% chức năng của lá và cành cây gây tổn thương tới sự sống của cây xanh trừ một số loại cây như: cây phát triển chiều cao là chính, ít phát triển tán; cây Bonsai; cây cảnh tạo tán hoặc cây trong trường hợp phải dịch chuyển.

11. Tỉa ngọn cây không đúng kỹ thuật có nghĩa là hành động cắt tỉa bớt những cành có đường kính lớn hoặc chặt cụt thân cây.

IV. NGUYÊN TẮC CHUNG QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

1. Tất cả các loại cây xanh đô thị đều được xác định chủ sở hữu, do tổ chức, cá nhân quản lý hoặc được giao quản lý.

2. Việc trồng cây xanh đô thị phải thực hiện theo quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch chuyên ngành cây xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc lựa chọn chủng loại và trồng cây xanh phải mang bản sắc địa phương, phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, đồng thời đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về sử dụng, mỹ quan, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường đô thị; hạn chế làm hư hỏng các công trình cơ sở hạ tầng trên mặt đất, dưới mặt đất cũng như trên không.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 20/2009/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009.

4. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, chăm sóc cây xanh trước mặt nhà, trong khuôn viên; đồng thời thông báo kịp thời cho các cơ quan chức năng quản lý để giải quyết khi phát hiện cây nguy hiểm và các hành vi gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cây xanh đô thị.

V.[3] ***(được bãi bỏ)***

Phần II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

I.[4] ***(được bãi bỏ)***

II. TRỒNG CÂY XANH ĐÔ THỊ

1. Các yêu cầu chung

a) Trồng cây xanh đúng chủng loại quy định, đúng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc. Cây mới trồng phải được bảo vệ, chống giữ thân cây chắc chắn, ngay thẳng đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt.

b)[5] Cây xanh đưa ra trồng phải đảm bảo tiêu chuẩn:

- Đối với cây tiểu mộc có chiều cao tối thiểu từ 2,0 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 4,0 cm trở lên;

- Đối với cây trung mộc và đại mộc có chiều cao tối thiểu từ 3,0 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 5,0 cm trở lên.

- Tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng.

2. Các loại cây bóng mát trong đô thị

- Loại 1 (cây tiểu mộc): là những cây có chiều cao trưởng thành nhỏ.

- Loại 2 (cây trung mộc): là những cây có chiều cao trưởng thành trung bình.

- Loại 3 (cây đại mộc): là những cây có chiều cao trưởng thành lớn.

Căn cứ vào cách phân loại này, các địa phương quy định việc phân loại cây

---

[3] Mục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2021/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.

[4] Mục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2021/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 20/2009/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009.

xanh phù hợp với địa phương mình hoặc có thể tham khảo quy định phân loại cây trong Phụ lục 1. Danh mục cây bóng mát tham khảo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

3. Trồng cây xanh đường phố

a) Đối với các tuyến đường lớn có chiều rộng hè phố trên 5m nên trồng các cây loại 2 hoặc loại 3 theo quy định phân loại cây đô thị tại địa phương.

b) Đối với các tuyến đường trung bình có chiều rộng hè phố từ 3m đến 5m nên trồng các cây loại 1 hoặc loại 2 theo quy định phân loại cây đô thị tại địa phương.

c) Đối với các tuyến đường nhỏ có chiều rộng hè phố hẹp dưới 3m, đường cải tạo, bị khống chế về mặt bằng và không gian thì cần tận dụng những cây hiện có hoặc trồng tại những vị trí thưa công trình, ít vướng đường dây trên không và không gây hư hại các công trình sẵn có, có thể trồng dây leo theo trụ hoặc đặt chậu cây.

d) Khoảng cách giữa các cây trồng được quy định tuỳ thuộc vào việc phân loại cây (tham khảo Phụ lục 1) hoặc theo từng vị trí cụ thể của quy hoạch trên khu vực, đoạn đường. Chú ý trồng cây ở khoảng trước tường ngăn giữa hai nhà phố, tránh trồng giữa cổng hoặc trước chính diện nhà dân đối với những nơi có chiều rộng hè phố dưới 5m.

e) Khoảng cách các cây được trồng tính từ mép lề đường từ 0,6m đến 1,0m căn cứ theo tiêu chuẩn phân loại cây (tham khảo Phụ lục 1);

f) Cây xanh đường phố và các dải cây phải hình thành một hệ thống cây xanh liên tục và hoàn chỉnh, không trồng quá nhiều loại cây trên một tuyến phố. Trồng từ một đến hai loại cây xanh đối với các tuyến đường, phố có chiều dài dưới 2km. Trồng từ một đến ba loại cây đối với các tuyến đường, phố có chiều dài từ 2km trở lên hoặc theo từng cung, đoạn đường.

g) Đối với các dải phân cách có bề rộng dưới 2m chỉ trồng cỏ, các loại cây bụi thấp, cây cảnh. Các dải phân cách có bề rộng từ 2m trở lên có thể trồng các loại cây thân thẳng có chiều cao và bề rộng tán lá không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, trồng cách điểm đầu giải phân cách, đoạn qua lại giữa hai giải phân cách khoảng 3m - 5m để đảm bảo an toàn giao thông.

h) Tại các trụ cầu, cầu vượt, bờ tường nghiên cứu thiết kế bố trí trồng dây leo để tạo thêm nhiều mảng xanh cho đô thị, có khung với chất liệu phù hợp cho dây leo để bảo vệ công trình. Tại các nút giao thông quan trọng ngoài việc phải tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn giao thông tổ chức trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành mảng xanh tăng vẻ mỹ quan đô thị.

i) Cây xanh được trồng cách các góc phố 5m - 8m tính từ điểm lề đường giao nhau gần nhất, không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông.

k) Cây xanh được trồng cách các họng cứu hoả trên đường 2m - 3m; cách cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga 1m - 2m.

l) Cây xanh được trồng cách mạng lưới đường dây, đường ống kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cáp ngầm) từ 1m - 2m.

m) Cây xanh được trồng dọc mạng lưới đường dây dẫn điện phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

4. Ô đất trồng cây xanh đường phố

a) Kích thước và loại hình ô đất trồng cây được sử dụng thống nhất đối với cùng một loại cây trên cùng một tuyến phố, trên từng cung hay đoạn đường.

b) Xung quanh ô đất trồng cây trên đường phố hoặc khu vực sở hữu công cộng (có hè đường) phải được xây bó vỉa có cao độ cùng với cao độ của hè phố nhằm giữ đất tránh làm bẩn hè phố hoặc các hình thức thiết kế khác để bảo vệ cây và tạo hình thức trang trí.

c) Tận dụng các ô đất trồng cây bố trí trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành khóm xung quanh gốc cây hoặc thành dải xanh để tăng vẻ đẹp cảnh quan đô thị.

5. Nghiệm thu cây xanh trong các dự án đầu tư xây dựng công trình

Các dự án đầu tư xây dựng công trình trong đô thị có hạng mục cây xanh phải thực hiện trồng cây phù hợp với tiến độ xây dựng công trình. Khi nghiệm thu công trình phải bao gồm hạng mục cây xanh theo thiết kế đã được phê duyệt.

III. DUY TRÌ VÀ BẢO VỆ CÂY XANH ĐÔ THỊ

1. Cắt tỉa cây trưởng thành

a) Các dạng cắt tỉa cây: Hàng năm cây xanh phải được cắt tỉa đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm tạo dáng cây và làm cho phát triển nhanh hơn và đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão. Thông thường có các loại cắt tỉa cây như sau:

- Làm quang vòm (đỉnh, ngọn, chóp) lá: loại bỏ các cành lá khô và gẫy, những cành to bị bệnh hoặc nguy hiểm;

- Làm mỏng vòm lá: loại bỏ bớt tán lá để giảm cản trở sự đi qua của gió trong mùa mưa bão;

- Nâng cao vòm lá: loại bỏ những tán lá thấp nhất tạo thông thoáng tầm nhìn trên đường, các nơi có biển báo, đèn tín hiệu giao thông;

- Giảm bớt ngọn: khống chế chiều cao, làm thấp đỉnh ngọn cây bằng cách cắt tỉa tự nhiên ít nhất là 1/3 độ lớn của các cành cây to bị loại bỏ;

- Phục hồi ngọn: thực hiện việc cắt tỉa để lấy lại cấu trúc tự nhiên của cây sau khi cây bị cắt tỉa hoặc xén ngọn không đúng cách.

b) Thời gian cắt tỉa: Để giảm khả năng có thể xảy ra bệnh tật do sâu bệnh, vi khuẩn, thời gian cắt tỉa được thực hiện theo đặc điểm khí hậu của từng vùng trung bình 2 lần/ năm, đặc biệt trước mùa mưa bão (trừ trường hợp vì lý do an toàn) như sau:

- Đối với tất cả các loại cây: không được cắt tỉa vào thời gian cành con đang đâm trồi;

- Đối với những cây vỏ mỏng: không được cắt tỉa vào mùa hè có thể gây tổn thương cho cây do ánh nắng mặt trời;

- Đối với những cây rụng lá vào thời kỳ nhất định (cây không có lá vào mùa đông): thời gian cắt tỉa tốt nhất vào tháng 10 đến tháng 1 năm sau;

- Đối với những cây nguy hiểm có thể được cắt tỉa vào bất cứ thời gian nào trong năm.

Sau khi cắt tỉa bôi thuốc để thân cây khỏi bị nấm, sâu bệnh xâm nhập.

2. Cắt tỉa cây chưa trưởng thành (cây non)

Cắt tỉa cây sớm sẽ tăng tuổi thọ cây và hiệu quả chi phí, cây sẽ được an toàn hơn và ít cành bị gẫy. Cây non nên được cắt tỉa vào năm thứ 2 sau khi trồng để tăng cấu trúc của cây và cắt tỉa đều đặn những năm sau đó.

3. Chăm sóc cây xanh đô thị

Kiểm tra định kỳ cắt mé cành và nhánh nặng tán, lấy nhánh khô, khống chế chiều cao, chống sửa cây nghiêng, tạo dáng, bón phân, xử lý sâu bệnh và xử lý cây ký sinh bám trên cây chủ để tăng tuổi thọ của cây, đồng thời làm cỏ gốc, phá vỡ lớp đất mặt để khi tưới cây dễ thấm vào đất.

4. Cây nguy hiểm và xác định mức độ nguy hiểm của cây

Cây nguy hiểm phải được xác định mức độ nguy hiểm có thể tác động tới người, phương tiện và công trình, trên cơ sở đó có biện pháp khắc phục hoặc lập kế hoạch chặt hạ, dịch chuyển cây. Đối với các cây xanh đã đến tuổi già cỗi không đảm bảo an toàn, mục đích sử dụng phải lập kế hoạch từng bước đốn hạ thay thế dần. Cây thay thế, trồng mới phải có hình dáng, đường kính, chiều cao phù hợp với cảnh quan.

5. Giảm sự nguy hiểm và bảo tồn cây xanh

a) Xem xét, kiểm tra cây thường xuyên ít nhất một lần mỗi mùa trong năm;

b) Tránh trồng những cây rễ nổi dễ đổ và những cây ăn quả, cây có gai nhọn, mũ độc, cây có tán lớn nằm sát nhà dân và những cây giòn dễ gẫy trên đường phố có thể làm mất an toàn cho người, phương tiện và công trình;

c) Sử dụng đúng biện pháp cắt tỉa;

d) Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên phát hiện cây nguy hiểm để có biện pháp xử lý kịp thời. Hạn chế những rủi ro của cây nguy hiểm bằng cách loại bỏ cành chết, gẫy.

6. Lập hồ sơ quản lý

a) Thống kê về số lượng, chất lượng, đánh số cây, lập hồ sơ cho từng tuyến phố, khu vực công cộng.

b) Đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn ngoài việc thực hiện việc thống kê, phân loại, đánh số, cần phải treo biển tên và lập hồ sơ cho từng cây để phục vụ công tác bảo tồn, quản lý bảo đảm về mỹ thuật, an toàn khi chăm sóc.

c)[6] Xác định cây nguy hiểm để lập hồ sơ theo dõi tình trạng phát triển và có kế hoạch thay thế kịp thời.

7. Bảo vệ cây xanh trong quá trình xây dựng

a) Khi thi công các công trình ngầm và trên mặt đất, đơn vị thi công có trách nhiệm bảo vệ hệ thống cây xanh đã có trong và xung quanh khu vực công trường. Không được lấy thân cây làm chỗ tựa, đỡ để kéo sắt, thép, cấu kiện vật liệu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh tại khu vực thi công phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo hướng dẫn tại mục IV phần II Thông tư này.

b) Cây xanh giữ lại trong công trường xây dựng cần được bảo vệ bằng hàng rào tạm xung quanh cây để giữ cho ngọn, tán lá và cấu trúc cành cây không bị tiếp xúc với thiết bị, vật liệu và các hoạt động khác; bảo vệ rễ cây và điều kiện đất không bị thay đổi.

c) Phạm vi an toàn bảo vệ cây và rễ cây được xác định tối thiểu như sau: Bán kính vùng an toàn bảo vệ cây bằng 10 lần đường kính tại chiều cao tiêu chuẩn.

IV.[7] ***(được bãi bỏ)***

---

[6] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 20/2009/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009.

[7] Mục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2021/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.

V. QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN VƯỜN ƯƠM CÂY XANH

1. Tăng cường quản lý, đẩy nhanh công tác quy hoạch dành quỹ đất phát triển vườn ươm.

2. Chủ động phát triển vườn ươm cây phong phú về chủng loại cây, đáp ứng nhu cầu phát triển cây xanh đô thị, kế hoạch phát triển cây xanh hàng năm của đô thị và nhu cầu thị trường.

3. Thực hiện lai tạo, nhân giống các giống cây mới trong và ngoài nước có tán, hoa, lá màu sắc đẹp, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, mang bản sắc địa phương khi đưa ra trồng trên đường phố, nơi công cộng, chú trọng vào việc thuần hoá các giống cây rừng đặc hữu ở địa phương.

4. Chủ động được công tác ươm, nuôi chuẩn bị cây giống đảm bảo quy cách, cây đủ tiêu chuẩn, chất lượng khi xuất vườn.

VI. KHUYẾN KHÍCH THAM GIA QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

1. Khuyến khích xã hội hoá công tác quản lý, trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị và phát triển vườn ươm cây theo quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các hoạt động dịch vụ cung cấp giống, cây trồng, trồng và chăm sóc, duy trì cây xanh đô thị được thực hiện theo hợp đồng với phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ.

3. Khuyến khích trồng cây xanh trên các rẻo đất trống, hành lang an toàn giao thông, các vùng cách ly công trình xử lý rác, công trình mai táng, nghĩa trang; sử dụng các bãi rác khi ngừng hoạt động chuyển thành vườn ươm cây xanh.

4. Khuyến khích các hộ gia đình tự trồng cây xanh, đặc biệt trồng và chăm sóc cây trước mặt nhà, trên các tuyến phố theo quy hoạch và các quy định về chủng loại cây được duyệt.

Phần III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

I. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

1. Quản lý thống nhất cây xanh trên địa bàn tỉnh. Ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý cho chính quyền các cấp và các cơ quan chuyên trách quản lý cây xanh.

2. Ban hành các văn bản quy định về quản lý cây xanh, xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ và phát triển cây xanh đô thị.

II. SỞ XÂY DỰNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG[8]

Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công tác quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn:

1. Tổ chức triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý cây xanh trên địa bàn theo quy định của UBND cấp tỉnh.

2. Chủ trì soạn thảo các văn bản hướng dẫn về công tác quản lý hệ thống cây xanh đô thị trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

3.[9] Tổ chức lập, trình UBND cấp tỉnh ban hành hoặc ban hành theo uỷ quyền danh mục cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế, cây nguy hiểm cần phải thay thế.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ cây xanh đô thị, tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với toàn bộ hệ thống cây xanh đô thị trên địa bàn.

5. Hỗ trợ chính quyền các đô thị kiện toàn bộ máy quản lý, đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và thợ chăm sóc cây.

III. CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ CÁC CẤP

Ủy ban nhân dân các thành phố, thị xã thuộc tỉnh và các thị trấn:

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ và phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn theo phân cấp của UBND cấp tỉnh.

2. Tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chuyên ngành cây xanh, kế hoạch phát triển cây xanh đô thị theo thẩm quyền phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị đã được duyệt.

3. Tại các đô thị chưa có đơn vị trực tiếp thực hiện việc quản lý cây xanh thì tiến hành lựa chọn, ký hợp đồng với các đơn vị chuyên ngành thực hiện việc trồng,

---

[8] Mục này được sửa đổi theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 20/2009/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009.

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 20/2009/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009.

duy trì và chăm sóc cây xanh.

4. Tuyên truyền, giáo dục vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo vệ, chăm sóc và phát triển cây xanh trên địa bàn.

IV. CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

1. Thực hiện trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh đô thị theo hợp đồng đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cung cấp các dịch vụ có liên quan tới cây xanh đô thị cho xã hội.

2. Lập danh sách và tổ chức đánh số các loại cây xanh, cây cần bảo tồn trên đường phố, nơi công cộng. Hàng năm có nhiệm vụ lập báo cáo kiểm kê diện tích cây xanh và số lượng cây trồng.

3. Thường xuyên kiểm tra, kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan về cây xanh.

4. Nghiên cứu đề xuất về chủng loại cây, hoa phù hợp quy hoạch xây dựng, với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và cảnh quan chung, tiếp thu lai tạo các loại cây, hoa đẹp ở các địa phương khác để áp dụng trên địa bàn được giao quản lý.

5. Phối hợp với các địa phương vận động thực hiện phong trào Nhà nước và nhân dân cùng chăm sóc, quản lý và phát triển hệ thống cây xanh công cộng.

6.[10] Lập danh sách cây nguy hiểm phải thay thế trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện việc chặt hạ, di dời theo kế hoạch.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH[11]

1. Các tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý

---

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 20/2009/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009.

[11] Điều 9 của Thông tư số 20/2009/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009 quy định như sau:

*"**Điều 9. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, giải quyết./."

Điều 3 của Thông tư số 05/2021/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021 quy định như sau:

*"**Điều 3. Điều khoản thi hành***

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2021./."

cây xanh đô thị. Việc vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại mục V phần I Thông tư này sẽ bị xử phạt và bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 31 và Điều 36 Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

2. Trong trường hợp ở những nơi hiện trạng cây xanh đã có chưa phù hợp với các hướng dẫn trong Thông tư này thì khuyến khích lập kế hoạch từng bước thay thế, chỉnh trang cho phù hợp.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Thông tư này.

4. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vướng mắc, đề nghị các địa phương phản ánh về Bộ Xây dựng để hướng dẫn và giải quyết theo thẩm quyền./.

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tường Văn

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, KCHTXD.

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng)

Phân loại cây bóng mát trong đô thị

Các dạng loại cây xanh tạo bóng mát được trồng trên đường phố và các khu vực sở hữu công cộng được phân làm 3 loại dựa trên chiều cao trưởng thành. Khoảng cách giữa các cây trồng phụ thuộc vào phân loại cây. Các quy định cụ thể như sau:

Bảng phân loại cây bóng mát và các yêu cầu kỹ thuật

Số thứ tự	Phân loại cây	Chiều cao	Khoảng cách trồng	Khoảng cách tối thiểu đối với lề đường	Chiều rộng vỉa hè
1	Cây loại 1 (cây tiểu mộc)	≤ 10m	Từ 4m đến 8m	0,6m	Từ 3m đến 5m
2	Cây loại 2 (cây trung mộc)	> 10m đến 15m	Từ 8m đến 12m	0,8m	Trên 5m
3	Cây loại 3 (cây đại mộc)	> 15m	Từ 12m đến 15m	1m	Trên 5m

Phụ lục số 2

ĐẶC TÍNH CỦA MỘT SỐ CÂY TRỒNG THƯỜNG GẶP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng)

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kỳ rụng lá trơ cành (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)	Màu hoa
1	Ban	Bauhinia variegatalinn	6-8	3-4	tự do	bản	nhạt	11-1	12-4	tím, trắng
2	Bạch đàn trắng	Eucalyptus resinefera smith	12-15	5-7	thuỗn	bản	nhạt	-	4-5	vàng ngà
3	Bạch đàn chanh	Eucalyptus maculata var citriodora	25-40	6-8	thuỗn	bản	nhạt	-	5-6	trắng xanh
4	Bạch đàn đỏ	Eucapyptus hobusta smith	15-20	5-8	thuỗn	bản	nâu	-	8-9	trắng ngà
5	Bạch đàn lá liễu	Eucapyptus exerta f.v muell	12	3-5	thuỗn rủ	bản	nhạt	-	5-6	trắng ngà
6	Bụt mọc	Taxodium distichum rich	10-15	5-7	tháp	kim	sẫm	2-3	4-5	xanh hồ thuỷ
7	Bách tán	Araucaria excelsa r.br	40	4-8	tháp	kim	sẫm		4-5	xanh lam
8	Bàng	Terminalia ctappa linn	15-20	10	phân tầng	bản	xanh	2-3	7-8	xanh
9	Bông gòn	Ceiba pentandra gaertn	20-30	6-10	phân tầng	bản	nhạt	2-4	3-4	trắng
10	Bằng lăng	Lagerstroemia flosreginae retz	15-20	8-10	thuỗn	bản	sẫm	2-3	5-7	tím hồng

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kỳ rụng lá trơ cành (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)	Màu hoa
11	Chiêu liêu	Terminalia tomentosa wight	15-30	8-15	trứng	bản	vàng	3-4	5-6	trắng ngà
12	Chò nâu	Dipterocarpus tonkinensis chev	30-40	6-10	tròn	bản	nhạt	-	8-9	vàng ngà
13	Chùm bao lớn	Hydnocarpus anthelmintica pierre	15-20	8-15	trứng	bản		-	1-3	hồng
14	Dầu nước	Parashrea stellata kur	35	8-10	tháp	bản	nhạt	-	5-6	trắng ngà
15	Dáng hương	Pterocarpus pedatus pierre	20-25	8-10	tròn	bản	vàng	3-4	-	vàng
16	Dâu da xoan	Spondias lakonensis	6-10	6-8	tròn	bản	nhạt	2-3	4-5	trắng ngà
17	Dái ngựa	Swietenia mahogani jacq	15-20	6-10	trứng	bản	sẫm	1-2	4-5	vàng nhạt
18	Đa búp đỏ	Ficus elastica roxb	30-40	25	tự do	bản	sẫm		11	vàng
19	Đề	Ficus religiosa linn	18-20	15-20	trứng	bản	đỏ	4	5	trắng ngà
20	Đa lông	Ficus pilosa rein	15-20	15-20	tự do	bản	sẫm	-	11	vàng ngà
21	Đài loan tương tư	Acacia confusa merr	8-10	5-6	tự do	bản	sẫm	-	6-10	vàng
22	Đậu ma	Longocarpus formosanus	13-15	12-13	tròn	bản	sẫm	-	4-5	tím nhạt
23	Gioi	Sizygim samarangense merr et perrg	10-12	6-8	trứng	bản	vàng	-	4-5	trắng xanh
24	Gạo	Gossampinus malabarica merr	20-25	8-12	phân tầng	bản	nhạt	2-4	3-4	đỏ tơi
25	Gáo	Sarcocephalus cordatus miq	18	8-10	tự do	bản	vàng nhạt	-	4-5	vàng nhạt
26	Gội trắng	Aphanamixis grandifolia bl	40	15	trứng	bản	vàng	-	3-4	xanh

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kỳ rụng lá trơ cành (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)	Màu hoa
							nhạt			
27	Hoàng lan	Michelia champaca linn	15-20	6-8	tháp	bản	vàng nhạt	-	5-6	vàng
28	Hoè	Sophora japonica linn	15-20	7-10	trứng	bản	sẫm	-	5-6	vàng
29	Kim giao	Podocarpus wallichianus C.presl	10-15	6-8	tháp	bản			5-6	vàng
30	Liễu	Salyx babylonica linn	7-10	4-6	rủ	bản	nhạt	1-3	4-5	vàng nhạt
31	Lộc vừng	Barringtoria racemosa roxb	10-12	8-10	tròn	bản	sẫm vàng	2-3	4-10	đỏ thẫm
32	Long não	Cinnamomum camphora nees et ebern	15-20	8-15	tròn	bản	nhạt	-	3-5	vàng
33	Lai	Aleurites moluccana willd	8-10	6-8	trứng	bản	nhạt	-	5-6	vàng
34	Lai tua	Cananga odorata hook	15-20	6-8	thuỗn	bản	nhạt	-	7-8	xanh
35	Lim xẹt (lim vàng)	Peltophorum tonkinensis a.chev	25	7-8	tròn	bản	vàng	1-3	5-7	vàng
36	Muồng vàng chanh	Cassia fistula l.	15	10	tròn	bản	nhạt	-	6-9	hoàng yến
37	Muồng hoa đào	Cassia nodosa linn	10-15	10-15	tròn	bản	nhạt	4	5-8	hồng
38	Muồng ngủ	Pithecoloblum saman benth	15-20	30-40	tròn	bản	vàng sẫm	1-3	6-7	hồng đào
39	Muồng đen	Cassia siamea lamk	15-20	10-12	tròn	bản	sẫm	-	6-7	vàng
40	Mỡ	Manglietia glauca bl.	10-12	23	thuỗn	bản	sẫm	-	1-2	trắng

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kỳ rụng lá trơ cành (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)	Màu hoa
41	Móng bò tím	Banhinia purpureaes l.	8-10	4-5	tròn	bản	nhạt	-	8-10	tím nhạt
42	Muỗm	Mangifera foetida lour	15-20	8-12	tự do	bản	sẫm	-	2-3	vàng hung
43	Me	Tamarindus indica l.	15-20	8-10	trứng	bản	nhạt	-	4-5	vàng nhạt
44	Ngọc lan	Michelia alba de	15-20	5-8	thuỗn	bản	vàng nhạt	-	5-9	trắng
45	Nhãn	Euphoria longan (lour) steud	8-10	7-8	tròn	bản	sẫm	-	2-4	vàng ngà
46	Nhội	Bischofia trifolia hook f.	10-15	6-10	tròn	bản	nhạt đỏ	-	2-3	vàng nhạt
47	Nụ	Garcinia cambodgien vesque	10-15	6-9	tháp	bản	sẫm hồng	-	4-5	vàng ngà
48	Nhựa ruồi	Ilex rotunda thunb	20	6-8	tự do	bản	sẫm	-	4-5	trắng lục
49	Núc nác	Oroxylum indicum vent	15-20	9-12	phân tầng	bản	nhạt	-	6-9	đỏ
50	Phượng tây	Delonix regia raf	12-15	8-15	tự do	bản	nhạt	1-4	5-7	đỏ
51	Sấu	Dracontomelum mangiferum b.l	15-20	6-10	tròn	bản	sẫm	-	3-5	xanh vàng
52	Sếu (cơm nguội)	Celtis sinenscs person	15-20	6-8	trứng	bản	sẫm	12-3	2-3	trắng xanh
53	Sa	Alstonia sholaris r.br	15-20	5-8	phân tầng	bản	nhạt	5-8	10-12	trắng xanh
54	Sao đen	Hopea odorata roxb	20-25	8-10	thuỗn	bản	sẫm	2-3	4	xanh lục
55	Sung	Ficus glimeratq roxb	10-15	8-10	tự do	bản	nhạt	-	-	-

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kỳ rụng lá trơ cành (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)	Màu hoa
56	Si	Ficus benjamina linn	10-20	6-8	tự do	bản	sẫm	-	6-7	trắng xám
57	Sanh	Ficus indiaca linn	15-20	6-12	tự do	bản	sẫm	-	6-7	-
58	Sứa	Dalbergia tonkinensis prain	8-10		thuỗn	bản	nhạt	-	4-5	xanh
59	Sau sau	Liquidambar formosana hance	20-30	8-15	trứng	bản	nhạt vàng	-	3-4	
60	Sến	Bassia pasquieri h.lec	15-20	10-15	tròn	bản	sẫm	-	1-3	trắng vàng
61	Sung hoa	Citharexylon quadrifolia	10-12	6-8	trứng	bản	nhạt	-	5-6	trắng
62	Tếch	Tectona graudis linn	20-25	6-8	thuỗn	bản	vàng	1-3	6-10	trắng nâu
63	Trôm	Sterculia foetida 1	15-20	8-15	tròn	bản	nhạt	2-4	4-5	đỏ nhạt
64	Thàn mát	Milletia ichthyocthona drake	15	4-7	trứng	bản	nhạt	11-1	3-4	trắng
65	Thung	Tetrameles nudiflora	30-40	5-8	thuỗn	bản	nhạt vàng	-	3-4	nâu vàng
66	Thàn mát hoa tím	Milletia ichthyocthona	10-12	3-6	thuỗn	bản	nhạt	-	5-6	tím
67	Thị	Diospyros bubra h.lec	20	8-12	trứng	bản	sẫm	-	4-5	vàng nâu
68	Trấu	Aburites motana wils	8-12	5-7	phân tầng	bản	nhạt	3-4	3-4	trắng hồng
69	Trám đen	Canarium nigrum engler	10-15	7-10	tròn	bản	nhạt	-	1-2	trắng
70	Thông nhựa hai lá	Pinus merkusili	30	8-10	tự do	kim	sẫm	-	5-6	xanh lam
71	Thông đuôi ngựa	Pinus massoniana	30-35		tháp	kim	vàng nhạt	-	4	xanh lam
72	Vú sữa	Chysophyllum cainito linn	12	6-8	tròn	bản	nâu	-	9-10	vàng ngà

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kỳ rụng lá trơ cành (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)	Màu hoa
73	Vông đông	Hura crepitas 1	15	8-10	trứng	bản	sẫm	-	7-9	đỏ
74	Vông	Erythrina indica linn	8-10	6-8	trứng	bản	nhạt	1-4	4-5	đỏ
75	Vàng anh	Saraca dives pierre	7-12	8-10	tròn	bản	sẫm	-	1-3	vàng sẫm
76	Xà cừ	Khaya senegalensis a.Juss	15-20	10-20	tự do	bản	nhạt	-	2-3	trắng ngà